

Số: 23/BC-ĐTH

Cư Bao, ngày 03 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO
Về việc thực hiện quy chế công khai đầu năm học 2025 - 2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT về triển khai thực hiện công khai.

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường.

Nay trường THCS Đình Tiên Hoàng xin báo cáo kết quả thực hiện Quy chế công khai đầu năm học 2025 - 2026 như sau:

1. Về nội dung công khai

- Trường đã thực hiện công khai theo các nội dung quy định trong Thông tư 09/2024.

- Tiếp tục duy trì và củng cố kết quả về trường chuẩn Quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục đạt được.

- Trong năm học 2024 - 2025 không có đơn thư thắc mắc về nội dung mà trường đã công khai của phụ huynh cũng như đội ngũ giáo viên, nhân viên.

2. Hình thức công khai

Thực hiện công khai tại bảng thông báo của nhà trường, trang web của đơn vị và trong Đại hội phụ huynh học sinh, Hội nghị cán bộ viên chức. (có các nội dung kèm theo)

* Nhận xét đánh giá: Nhà trường có tiến hành thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024 của Bộ GDĐT quy định. Nội dung công khai có theo mẫu hướng dẫn. Qua đây giúp cho phụ huynh biết được chất lượng giáo dục; tình hình đội ngũ - chất lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên; cơ sở vật chất của nhà trường, đồng thời góp phần tạo niềm tin trong công tác giáo dục của trường.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Quy chế công khai đầu năm học 2025 - 2026 của trường THCS Đình Tiên Hoàng.

Nơi nhận:

- UBND phường (b/c);
- Trang web nhà trường;
- Hồ sơ kiểm định;
- Lưu: VT.



Phan Công Quyền.

PHỤ LỤC I

Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện
chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên.
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng
BGDĐT)

**UBND PHƯỜNG CƯ BAO
TRƯỜNG THCS ĐÌNH TIÊN HOÀNG**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Cuối năm 2024 - 2025**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: **TRƯỜNG THCS ĐÌNH TIÊN HOÀNG.**
 2. Địa chỉ trụ sở chính: TDP1, phường Cư Bao, tỉnh Đắk Lắk; điện thoại: 0918010577; cổng thông tin điện tử: <http://dinhtienhoang.buonho.edu.vn>.
 3. Loại hình của cơ sở giáo dục: công lập; cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: UBND phường Cư Bao.
 4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.
 - **Sứ mạng:** Tạo dựng được môi trường học tập lành mạnh, nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục ổn định, để mỗi học sinh có kiến thức, có tri thức vững vàng bước vào trường trung học phổ thông, trường trung cấp nghề.
 - **Tầm nhìn:** Là một trong những trường trung học cơ sở có chất lượng giáo dục nằm top đầu của các Trường THCS. Nơi giáo viên và học sinh có khát vọng vươn lên. Đến năm 2025, Trường Trung học cơ sở Đình Tiên Hoàng được xã hội biết đến là một trường có chất lượng giáo dục tương đối cao.
 - **Mục tiêu chung:** Xây dựng nhà trường có chất lượng giáo dục tốt và bền vững, ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả trong quản lý và giáo dục, tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng lấy học sinh làm trung tâm.
- Phương châm hành động: "*Chất lượng giáo dục là danh dự và uy tín của nhà trường*".

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường được thành lập từ năm 2007 với bộ máy hoạt động được xây dựng gọn nhẹ, đảm bảo đầy đủ các tổ chức, đoàn thể phù hợp với năng lực sở trường của từng CBGVNV nên mọi công việc được giải quyết nhanh chóng và hiệu quả. Trường có cơ cấu tổ chức đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học, có đủ giáo viên dạy các môn học cơ bản và giáo viên chuyên trách dạy các môn năng khiếu, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thành lập và đi vào hoạt động có nền nếp, các tổ trưởng đều là những người có kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành hoạt động của tổ.

Trường THCS Đình Tiên Hoàng có đủ cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ trường phổ thông quy định theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT. Nhà

trường có đủ biên chế và 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn. Phương hướng, chiến lược xây dựng nhà trường; công tác tổ chức, quản lý trường học; quản lý tài chính, tài sản; quy chế dân chủ luôn được thực hiện tốt; an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội đồng trường, các đoàn thể, các tổ chức khác trong nhà trường và tổ chuyên môn hoạt động có nề nếp; cán bộ quản lý có kinh nghiệm trong việc điều hành công tác đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ của nhà trường.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ.

- Họ và tên: Phan Công Quyến
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ liên hệ: TDP Sơn Lộc 1, phường Cư Bao, tỉnh Đắk Lắk.
- Điện thoại: 0918010577
- Địa chỉ thư điện tử: quyen77.edu@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập:

- Quyết định thành lập: số 4312/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2007 của UBND huyện Krông Buk về việc thành lập trường THCS Đinh Tiên Hoàng.

- Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2009 của Chủ tịch UBND thị xã Buôn Hồ về việc thành lập Trường THCS Đinh Tiên Hoàng.

- Quyết định số: 1326/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc chuyển giao nguyên trạng các cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục ngoài công lập thuộc UBND thị xã Buôn Hồ về UBND cấp xã quản lý.

b) Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của UBND thị xã Buôn Hồ về việc kiện toàn Hội đồng trường của trường THCS Đinh Tiên Hoàng, phường Bình Tân, thị xã Buôn Hồ nhiệm kỳ 2020-2025.

Danh sách hội đồng gồm 09 người

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ
1	Ông Phan Công Quyến	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Nguyễn Thành Huế	TKHĐ	Thư ký
3	Ông Nguyễn Bảo Quân	P. Chủ tịch UBND phường	Thành viên
4	Ông Đinh Đức Đạt	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Kim Ngân	Bí thư chi đoàn	Thành viên

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ
6	Bà Đỗ Thị Thảo	Tổ trưởng tổ Toán-Lý-Tin-CN	Thành viên
7	Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên
8	Ông Nguyễn Quang Đại	Ban đại diện Hội CMHS	Thành viên
9	Em Nguyễn Hoàng Uyên San	Học sinh 7a2	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận:

- Đối với hiệu trưởng: Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân TX Buôn Hồ về việc bổ nhiệm lại viên chức lãnh đạo, quản lý.

- Đối với phó hiệu trưởng: Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thị xã Buôn Hồ về bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học.

d) Quyết định số 55/QĐ-ĐTH ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường THCS Đinh Tiên Hoàng về việc ban hành Quy chế làm việc của Trường THCS Đinh Tiên Hoàng áp dụng từ năm học 2023-2024.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (*không có*).

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (*không có*).

8. Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục số 19/KH-ĐTH ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Trường THCS Đinh Tiên Hoàng về Bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Quyết định số 70/QĐ-ĐTH ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Trường THCS Đinh Tiên Hoàng về việc ban hành Quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường THCS Đinh Tiên Hoàng năm học 2024-2025.

Quyết định số 01/QĐ-ĐTH ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Trường THCS Đinh Tiên Hoàng về việc ban hành Quy chế chỉ tiêu nội bộ năm 2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề
----	-----------------	-------------	-------------------

		Tổng số	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Tổng số	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29	24	0	4	1	31	26	0	4	1
I	Giáo viên Trong đó số GV dạy môn:	21	21	0	0	0	23	23	0	0	0
1	Toán	1	1				3	3			
2	Lý	1	1				1	1			
3	Hóa	1	1				1	1			
4	Sinh	2	2				2	2			
5	Văn	3	3				3	3			
6	Sử	2	2				2	2			
7	Địa	1	1				1	1			
8	GDCD	1	1				1	1			
9	Tin	1	1				1	1			
10	Anh văn	3	3				3	3			
11	Công nghệ	1	1				1	1			
12	Nhạc	1	1				1	1			
13	Thể dục	2	2				2	2			
14	Mỹ thuật	1	1				1	1			
II	Cán bộ quản lý	2	2	0	0	0	2	2	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	1				1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1	1				1	1			
III	Nhân viên	6	1	0	4	1	6	1	0	4	1
1	Nhân viên văn thư -Thủ quỹ	1			1					1	
2	Nhân viên kế toán	1			1					1	

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo					Năm trước liền kề				
		Tổng số	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Tổng số	ĐH	CD	TC	Dưới TC
3	Nhân viên y tế	1			1					1	
4	Nhân viên thư viện	1	1					1			
5	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1					1	
6	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0			0					0	
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0			0					0	
8	Bảo vệ	1				1					1

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

STT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo					Năm trước liền kề				
		Tổng số	Tốt		Khá		Tổng số	Tốt		Khá	
			SL	%	SL	%		SL	%	SL	%
1	Cán bộ quản lý	2	2	100	0	0	2	2	100	0	0
2	Giáo viên	21	19	90.48	2	9.52	23	20	86.96	3	13.04

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

STT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo					Năm trước liền kề				
		Tổng số	Tốt		Khá		Tổng số	Tốt		Khá	
			SL	%	SL	%		SL	%	SL	%
1	Cán bộ quản lý	2	2	100	0	0	2	2	100	0	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

STT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo		Năm trước liền kề	
		Số lượng	Quy định	Số lượng	Quy định
1	Diện tích khu đất xây dựng trường (m ²) (10m ² /1HS)	10.000	3.910 (391hs)	10.000	3.910 (391hs)
2	Diện tích bình quân một học sinh (m ²)	25,51	10	25,51	10
3	Khối phòng hành chính quản trị:	6	6	6	6
	- Phòng Hiệu trưởng	1	1	1	1
	- Phòng Phó Hiệu trưởng	1	1	1	1
	- Văn phòng	1	1	1	1
	- Phòng bảo vệ	1	1	1	1
	- Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	1	1	1	1
	- Khu để xe giáo viên, cán bộ, nhân viên	1	1	1	1
4	Khối phòng học tập (12 lớp)	15	15	15	15
	- Phòng học (0.6/lớp)	12	8	12	8
	- Phòng học bộ môn Âm nhạc	0	1	0	1
	- Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	1	0	1
	- Phòng học bộ môn Công nghệ	1	1	1	1
	- Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	1	1	1	1

STT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo		Năm trước liền kề	
		Số lượng	Quy định	Số lượng	Quy định
	- Phòng học bộ môn Tin học	1	1	1	1
	- Phòng học bộ môn Ngoại ngữ:	0	1	0	1
	- Phòng đa chức năng	0	1	0	1
5	Khối phòng hỗ trợ học tập:	4	5	4	5
	- Thư viện	1	1	1	1
	- Phòng thiết bị giáo dục	2	1	2	1
	- Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	0	1	0	1
	- Phòng truyền thống	0	1	0	1
	- Phòng Đoàn, Đội	1	1	1	1
6	Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao:	11	9	11	9
	- Phòng họp chung	1	1	1	1
	- Phòng các tổ chuyên môn	2	1	2	1
	- Phòng Y tế trường học	1	1	1	1
	- Nhà kho	2	1	2	1
	- Khu để xe học sinh	1	1	1	1
	- Khu vệ sinh học sinh	1	1	1	1
	- Cổng	1	1	1	1
	- Sân chơi chung	1	1	1	1
	- Sân thể dục thể thao	1	1	1	1
7	Khối phục vụ sinh hoạt	0	-	0	-

STT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo		Năm trước liền kề	
		Số lượng	Quy định	Số lượng	Quy định
8	Hạ tầng kỹ thuật	6	5	6	5
	- Hệ thống cấp nước sạch	1	1	1	1
	- Hệ thống cấp điện	1	1	1	1
	- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	1	1	1	1
	- Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc	1	1	1	1
	- Khu thu gom rác thải	1	1	1	1
	- Hệ thống Camera	1	-	1	-
9	Số thiết bị dạy học hiện có				
	- Thiết bị dạy học được trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo
	- Các phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ bàn, ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, thông gió, các thiết bị hỗ trợ khác và thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù của từng bộ môn.	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo
10	Danh mục sách giáo khoa sử dụng	2 bộ/ 1 khối	1 bộ/ 1 khối	2 bộ/ 1 khối	1 bộ/ 1 khối
11	Số lượng xuất bản phẩm tham khảo				
	- SGK	199	276	199	276
	- SGV	90	288	90	288
	- STK	2.276	2.450	2.276	2.450

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục: **Đạt mức độ 2**

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: nâng cao kết quả chuẩn giáo viên; bố trí xây thêm phòng bộ môn còn thiếu; xây dựng phòng thư viện đạt chuẩn tiên tiến.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian: năm 2024 (*kiểm định mức độ 2 - trường chuẩn cấp độ 1*)

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm - *đang đánh giá và chờ cấp trên đánh giá (2029)*

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề
1	Kết quả tuyển sinh (%)	100	100
2	Tổng số học sinh	391	391
	- Khối 6	95	111
	- Khối 7	110	95
	- Khối 8	94	93
	- Khối 9	92	92
3	Số học sinh bình quân/lớp	32.6	32.6
	- Khối 6	31.7	37.0
	- Khối 7	36.7	31.7
	- Khối 8	31.3	31.0
	- Khối 9	30.7	30.7
4	Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày	391	0
5	Số lượng học sinh nam/học sinh nữ	196/195	197/194
6	Học sinh là người dân tộc thiểu số	0	1
7	Học sinh khuyết tật	2	2
8	Số lượng học sinh chuyển đi	0	4
9	Số lượng học sinh chuyển đến	2	1

STT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề
10	Số học sinh bỏ học	0	1
11	Kết quả đánh giá học tập chưa thi lại (%)		
	- Tốt - giỏi	-	17.2
	- Khá	-	39.2
	- Đạt - TB	-	38.5
	- Chưa đạt - yếu - kém	-	5.1
12	Kết quả đánh giá rèn luyện chưa rèn luyện lại(%)		
	- Tốt	-	90.8
	- Khá	-	9.2
	- Đạt - TB	-	0
	- Chưa đạt - yếu	-	0
13	Số lượng học sinh lên lớp (sau thi lại) (%)	-	99.23
14	Số lượng không được lên lớp (%)	-	0.77
15	Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp (%)	-	100
16	Số lượng học sinh trúng tuyển vào THPT (%)	-	91.4
17	Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	-	2
18	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	-	39
	- Cấp huyện	-	37
	- Cấp tỉnh/thành phố	-	2

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

STT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (năm 2024)	Năm trước liền kề (năm 2023)
1	Các khoản thu phân theo		
	Ngân sách Nhà nước	5.867.835.000đ	4.612.077.000đ
	Thu học phí	119.746.500đ	122.183.000đ
2	Các khoản chi phân theo		
	- Chi tiền lương và thu nhập	4.955.945.547đ	3.822.194.000đ
	- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	557.321.262đ	449.240.000đ
	- Chi hỗ trợ người học		2.600.000đ
	- Chi khác	354.568.191đ	244.403.374đ
3	Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.	18.300.000đ	21.300.000đ
4	Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).	0đ	0đ

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Đánh giá tổng hợp về thực hiện các chỉ tiêu (số liệu cuối năm 2024 - 2025)

1.1. Chỉ tiêu thực hiện của học sinh

Danh mục	Chỉ tiêu thực hiện	Kết quả	Đánh giá
1. Rèn luyện			
- Tốt, khá	Chiếm 99% (trong đó loại tốt chiếm 86%)	đạt 100% (tốt chiếm 90,77%)	Vượt
-Chưa đạt	1%	0%	Vượt
2. Học tập			
- Tốt	16,85%	17,2%	Vượt
- Khá	39,20%	39,2%	Đạt
- Chưa đạt	7% (Sau thi lại 2%)	0.77%(sau thi lại)	Vượt
3. Duy trì sĩ số	99%	99,75%	Vượt
4. Đạt TNTHCS	98,5%	100%	Vượt

5. HSG văn hóa lớp 9 (cấp thị xã)	Có ít nhất 10% học sinh/khối tham gia (có 6-8 học sinh được công nhận).	Có 14,73% học sinh (14 HS) tham gia (có 10 HS được công nhận).	Vượt
6. TTPH HSG khối 8 (cấp TX)	Có ít nhất 10% học sinh/khối tham gia (được công nhận 5 -6).	Có 15,7% học sinh tham gia (được công nhận 7)	Vượt
7.IOE (cấp TX)	Có ít nhất 5% học sinh tham gia	Có 24 học sinh tham gia - 6,15% (1 vinh danh cấp Quốc gia)	Vượt
8. VIOEDU (Cấp TX)	Có ít nhất 2.5% học sinh tham gia	Có 10 học sinh tham gia chiếm 2,5%	Đạt
9. GLTA (cấp TX)	Thành lập 01 đội tham gia (đạt giải 2 - 4)	01 đội tham gia (đạt 8 giải)	Vượt
10. Tỷ lệ BHYT	100%	100%	Đạt
11. KHKT (cấp TX)	Có 02 ý tưởng tham gia (được công nhận 1)	Có 04 sản phẩm đạt cấp TX	Vượt
12. TTNNĐST (cấp TX)	Có 02 ý tưởng tham gia cấp TX	Có 02 sản phẩm đạt cấp TX	Đạt
12. STEM (cấp TX)	Có 02 sản phẩm tham gia cấp TX (được công nhận 1)	Có 3 sản phẩm tham gia (công nhận 3)	Vượt
13. Các Hội thi, cuộc thi khác	Tham gia đầy đủ	Tham gia đầy đủ theo quy định	Đạt

1.2. Chỉ tiêu thực hiện đối với viên chức

Danh mục	Chỉ tiêu thực hiện	Kết quả	Đánh giá
1. SKKN			
- SKKN cấp trường	96%	100%	Vượt
- SKKN cấp TX	07 – 08 sáng kiến	7	Đạt
2. GVDG			
- Cấp TX	Chọn 15% /tổng số giáo viên đủ điều kiện (được công nhận 4)	38% /tổng số giáo viên đủ điều kiện (được công nhận 8)	Vượt
3. Thao giảng	04 tiết/năm/gv	Có 23 giáo viên tham gia (trong đó có 8 đặc cách)	Đạt

4. Mở chuyên đề	02 chuyên đề/HK/tổ Có 02 chuyên đề cấp trường/năm	Có 8 chuyên đề (có 2 cấp trường)	Đạt
5. Các Hội thi, Cuộc thi khác	Thực hiện theo văn bản hướng dẫn cụ thể của từng Hội thi, Cuộc thi	Tham gia đầy đủ theo quy định	Đạt

1.3. Chỉ tiêu thực hiện của các tổ chức, đoàn thể

Danh mục	Chỉ tiêu thực hiện	Kết quả	Đánh giá
1. Chi bộ Đảng	Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2024	Xuất sắc	Vượt
2. Cơ quan văn hóa:	Đạt cơ quan VH cấp TX	Đạt cơ quan VH cấp TX	Đạt
3. Công Đoàn	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Đạt
4. Đoàn TN	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Xuất sắc	Vượt
5. Đội TNTP	Xuất sắc	Xuất sắc	Đạt
6. Tập thể trường	Tập thể HTTNV	HTTNV	Đạt

* Tổng số học sinh giỏi cấp tỉnh, thị xã là 39 em.

Trong đó:

- HSG cấp tỉnh: 02 học sinh (VH lớp 9: 01, IOE: 01)
- HSG cấp thị xã: 37 học sinh
- + HSG khối 9 cấp TX: 09
- + HSG khối 8 cấp thị xã: 07
- + HSG GLTA (Giao lưu tiếng Anh) cấp thị xã : 08
- + IOE (Tiếng Anh qua mạng Internet) cấp thị xã : 07
- + HSG KHKT cấp thị xã có 02 sản phẩm đạt cấp thị xã với số lượng học sinh được công nhận: 04
- + HSG STEM cấp thị xã có 01 sản phẩm đạt cấp thị xã với số lượng học sinh được công nhận: 02

- * Kết quả Tốt nghiệp THCS: đạt 100%.
- * Tỷ lệ học sinh tham gia BHYT đạt 100%
- * GV dạy giỏi cấp Thị xã đạt: 08
- * GV dạy giỏi cấp Tỉnh đạt : 03
- * Sáng kiến kinh nghiệm cấp Thị xã đạt: 07

2. Tóm tắt các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng trong quá trình lãnh đạo tập thể nhà trường được các cấp ghi nhận

2.1. Danh hiệu của Đảng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2024	Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Quyết định số: 92-QĐ/TU, ngày 16/12/2024 của Đảng ủy phường Bình Tân

2.2. Danh hiệu của nhà nước**2.2.1. Danh hiệu thi đua**

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2023-2024	TTLĐXS	Theo quyết định số 2839/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của Chủ Tịch UBND tỉnh Đắk Lắk
2024-2025	TTLĐTT	Theo quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của Chủ Tịch UBND phường

2.2.2. Về hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2022-2023	Bằng khen	Theo quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của Chủ Tịch UBND tỉnh Đắk Lắk

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**Phan Công Quyền**